

Số: 30/2020/QĐST-DS

Triệu Sơn, ngày 04 tháng 12 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;
Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b tiểu mục 1.3 mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 79/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hà Quang T, sinh năm 1963

Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị T1, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Lê Thị T1 vay tiền của ông Hà Quang T và bà Trịnh Thị H 03 lần: Ngày 12/10/2017 vay 120.000.000đ, ngày 26/10/2017 vay 50.000.000, ngày 27/10/2017 vay 30.000.000đ. Tổng số tiền bà Thủy vay là: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) đã trả được 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Ông T và bà H rút yêu cầu về tiền lãi, không yêu cầu bà T1 trả tiền lãi.

Bà T1 còn phải trả cho ông Toàn và bà Hợi số tiền: 185.000.000đ (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông T và bà H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà T1 phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Các đương sự thỏa thuận nộp án phí theo quy định của pháp luật. Bà H là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 1.156.000đ (*Một triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.040.000đ theo biên lai số **AA/2018/ 0004229 ngày 23/10/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Ông T đã nộp đủ án phí và được hoàn trả lại số tiền: **5.884.000đ (*Năm triệu tám trăm tám mươi tư nghìn đồng*)** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

Bà T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 2.312.000đ (*Hai triệu ba trăm mười hai nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Triệu Sơn;
- CC Thi hành án;
- TA tỉnh;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu